

PHỤ LỤC  
ĐƠN GIÁ CHO THUÊ ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT DO BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN VÀ DỊCH VỤ CÔNG ÍCH XÃ BỜ Y QUẢN LÝ, KHAI THÁC (ĐỢT 1)  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Bờ Y)

| STT | Tên cơ sở nhà, đất                                                                                             | Địa chỉ                                  | Nguyên giá theo sổ kế toán (đồng) | Giá trị còn lại theo sổ kế toán tới 31/12/2025 (đồng) | Đơn giá cho thuê |                        |                        |                         |                              |                                     |                                         |                          |                                       |                 |                                |                                   | Giá cho thuê dự kiến thu được năm 2026 (đồng/năm) | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------|------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------|---------------------------------------|-----------------|--------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                                                                |                                          |                                   |                                                       | Cấp công trình   | Thời hạn hao mòn (năm) | Thời hạn còn lại (năm) | Thời hạn cho thuê (năm) | Mức hao mòn hàng năm (%/năm) | Ghm mức hao mòn hàng năm (đồng/năm) | Gtd giá thuê đất hàng năm (đồng/m2/năm) | S đất Diện tích đất (m2) | S nhà Tổng diện tích sàn sử dụng (m2) | k hệ số chi phí | Đơn giá cho thuê (đồng/m2/năm) | Dự kiến giá cho thuê (đồng/tháng) |                                                   |         |
| 1   | Thư viện (Trụ sở Huyện ủy cũ)                                                                                  | Thôn Plei Kần, xã Bờ Y, tỉnh Quảng Ngãi  | 356.340.000                       | -                                                     | III              | 25                     | 0                      | 2                       | 4%                           | 17.817.000                          | 20.400                                  | 2.385,00                 | 571,00                                | 0,10            | 128.053                        | 6.093.175                         | 36.559.050                                        |         |
| 2   | Trụ sở Chi cục thuế (cũ)                                                                                       | Thôn Plei Kần, xã Bờ Y, tỉnh Quảng Ngãi  | 740.224.000                       | -                                                     | III              | 25                     | 0                      | 2                       | 4%                           | 37.011.200                          | 38.000                                  | 1.733,00                 | 854,00                                | 0,10            | 132.496                        | 9.429.310                         | 56.575.860                                        |         |
| 3   | Trụ sở Kho bạc (cũ)                                                                                            | Thôn Plei Kần, xã Bờ Y, tỉnh Quảng Ngãi  | 990.122.986                       | -                                                     | III              | 25                     | 0                      | 2                       | 4%                           | 49.506.149                          | 38.000                                  | 1.879,50                 | 502,28                                | 0,10            | 264.832                        | 11.084.989                        | 66.509.932                                        |         |
| 4   | Trụ sở Trung tâm chính trị (cũ)                                                                                | Thôn Plei Kần, xã Bờ Y, tỉnh Quảng Ngãi  | 2.573.327.000                     | -                                                     | III              | 25                     | 0                      | 2                       | 4%                           | 128.666.350                         | 20.400                                  | 3.305,00                 | 859,00                                | 0,10            | 251.103                        | 17.974.765                        | 107.848.593                                       |         |
| 5   | Trung tâm Y tế Ngọc Hồi - Cơ sở 2 (Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Ngọc Hồi cũ)                 | Thôn Tiến An, xã Bờ Y, tỉnh Quảng Ngãi   | 1.355.510.643                     | 142.749.729                                           | III              | 25                     | 3                      | 2                       | 4%                           | 54.220.426                          | 27.600                                  | 445,40                   | 236,05                                | 0,10            | 309.955                        | 6.097.068                         | 36.582.406                                        |         |
| 6   | Trường Tiểu học Bế Văn Đàn - Điểm trường Thôn Bắc Phong, xã Pờ Y                                               | Thôn Bắc Phong, xã Bờ Y, tỉnh Quảng Ngãi | 1.410.207.412                     | -                                                     | IV               | 15                     | 0                      | 2                       | 6,67%                        | 70.510.371                          | 6.400                                   | 1.885,20                 | 464,73                                | 0,10            | 195.454                        | 7.569.435                         | 45.416.608                                        |         |
| 7   | Trụ sở làm việc Đội thuế liên xã thị trấn Plei Kần thuộc Chi cục Thuế huyện Ngọc Hồi, Cục thuế tỉnh Kon Tum cũ | Thôn Tiến An, xã Bờ Y, tỉnh Quảng Ngãi   | 334.295.000                       | -                                                     | IV               | 15                     | 0                      | 2                       | 6,67%                        | 16.714.750                          | 13.200                                  | 186,60                   | 78,24                                 | 0,10            | 269.628                        | 1.757.971                         | 10.547.829                                        |         |
| 8   | Trạm chăn nuôi và Thú y cũ                                                                                     | Thôn Tiến An, xã Bờ Y, tỉnh Quảng Ngãi   | 63.151.000                        | -                                                     | IV               | 15                     | 0                      | 2                       | 6,67%                        | 3.157.550                           | 27.600                                  | 600,00                   | 58,00                                 | 0,10            | 373.954                        | 1.807.442                         | 10.844.653                                        |         |
| 9   | Trường Tiểu học Đăk Xú (Nay là trường TH-THCS Đăk Xú) - Điểm trường Thôn Phia Pháp, xã Đăk Xú                  | Thôn Đăk Xú, xã Bờ Y, tỉnh Quảng Ngãi    | 289.477.500                       |                                                       | IV               | 15                     | 0                      | 2                       | 6,67%                        | 14.473.875                          | 1.600                                   | 376,70                   | 97,50                                 | 0,10            | 170.095                        | 1.382.021                         | 8.292.127                                         |         |
| 10  | Trường Mầm non Đăk Xú - Điểm trường Thôn Ngọc Tiên, xã Đăk Xú                                                  | Thôn Thái Bình, xã Bờ Y, tỉnh Quảng Ngãi | 247.293.000                       | -                                                     | IV               | 15                     | 0                      | 2                       | 6,67%                        | 12.364.650                          | 1.600                                   | 168,00                   | 76,68                                 | 0,10            | 181.231                        | 1.158.066                         | 6.948.398                                         |         |
| 11  | Trường Mầm non Đăk Xú - Điểm trường thôn Thôn Kei Joi, xã Đăk Xú                                               | Thôn Đăk Xú, xã Bờ Y, tỉnh Quảng Ngãi    | 204.999.600                       | -                                                     | IV               | 15                     | 0                      | 2                       | 6,67%                        | 10.249.980                          | 1.600                                   | 571,90                   | 66,30                                 | 0,10            | 185.242                        | 1.023.460                         | 6.140.761                                         |         |
| 12  | Trường Mầm non Đăk Xú - Điểm trường Thôn Thung Nai, xã Đăk Xú                                                  | Thôn Thung Nai, xã Bờ Y, tỉnh Quảng Ngãi | 204.999.600                       | -                                                     | IV               | 15                     | 0                      | 2                       | 6,67%                        | 10.249.980                          | 1.600                                   | 1.221,40                 | 66,30                                 | 0,10            | 202.483                        | 1.118.720                         | 6.712.321                                         |         |
| 13  | Trường Mầm non Đăk Xú - Điểm trường Thôn Ngọc Thư                                                              | Thôn Thái Bình, xã Bờ Y, tỉnh Quảng Ngãi | 227.662.920                       | -                                                     | IV               | 15                     | 0                      | 2                       | 6,67%                        | 11.383.146                          | 1.600                                   | 348,60                   | 76,68                                 | 0,10            | 171.296                        | 1.094.583                         | 6.567.498                                         |         |
| 14  | Trường Mầm non Bờ Y - Điểm trường Thôn Iệt, xã Pờ Y                                                            | Thôn Iệt, xã Bờ Y, tỉnh Quảng Ngãi       | 175.625.600                       | -                                                     | IV               | 15                     | 0                      | 2                       | 6,67%                        | 8.781.280                           | 1.000                                   | 89,90                    | 56,80                                 | 0,10            | 171.801                        | 813.192                           | 4.879.149                                         |         |
| 15  | Trường Mầm non Bờ Y - Điểm trường thôn Thôn Kon Khôn, xã Pờ Y                                                  | Thôn Đăk Mế, xã Bờ Y, tỉnh Quảng Ngãi    | 247.293.000                       | -                                                     | IV               | 15                     | 0                      | 2                       | 6,67%                        | 12.364.650                          | 1.000                                   | 178,30                   | 76,68                                 | 0,10            | 179.933                        | 1.149.770                         | 6.898.623                                         |         |
| 16  | Trường Mầm non Bờ Y - Điểm trường Thôn Măng Tôn, xã Pờ Y                                                       | Thôn Măng Tôn, xã Bờ Y, tỉnh Quảng Ngãi  | 446.533.000                       | -                                                     | IV               | 15                     | 0                      | 2                       | 6,67%                        | 22.326.650                          | 6.400                                   | 366,20                   | 138,46                                | 0,10            | 195.994                        | 2.261.447                         | 13.568.682                                        |         |